

Bản án số: 04/2020/DS-PT

Ngày: 20-01-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hòa

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Vũ Hoàng Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1971; Ông Trần Kim T, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Tổ 1, ấp 7, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm B, sinh năm 1988; trú tại tổ 9, ấp 1A, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước (theo Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019)

*Bị đơn:* Nguyễn Thị B, sinh năm 1961; Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1960; Cùng trú tại: Tổ 4, ấp 9, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Xuân T, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 2, ấp 7, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị B.

*Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L, ông Trần Kim T, người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông T là bà Phạm Thị Cẩm B thống nhất trình bày:*

Ngày 10/7/2017, vợ chồng bà B, ông Đ có vay của bà L, ông T số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng trong thời hạn 06 tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Trong quá trình vay bà B trả lãi được khoảng 02 tháng thì không trả nữa. Đến hạn bà B cũng không trả tiền gốc và lãi nên ngày 17/7/2018 bà B, ông Đ cùng bà L ông T viết lại giấy nợ cộng gốc và lãi thành số tiền 228.000.000 đồng và thỏa thuận ngày 20/12/2018 bà B, ông Đ sẽ trả hết nhưng bà B, ông Đ không trả.

Ngoài ra, bà B có giao dịch mua cám, gạo của bà L từ trước và đến ngày 10/7/2017 thì bà B còn nợ lại 11.600.000 đồng, sau đó bà B tiếp tục mua và nợ với tổng số tiền 162.420.000 đồng nhưng bà B cũng không trả được nên ngày 16/7/2017 bà B viết giấy nhận nợ tiền mua cám với tổng số tiền 180.000.000 đồng. Sau khi cộng lại theo sổ sách hai bên thì nguyên đơn xác định bà B còn nợ lại số tiền mua cám là 132.015.000 đồng. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu bà B, ông Đ trả nợ nhưng bà B, ông Đ không trả nên ông T, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà B và ông Đ phải trả cho bà L và ông T tổng số tiền 380.520.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu, năm trăm hai mươi triệu đồng, trong đó 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng) là tiền bà B, ông Đ vay của bà L, ông T vào ngày 17/7/2017 và số tiền 132.015.000 đồng (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng) tiền bà B nợ tiền mua cám của bà L, ông T. Về lãi suất phía nguyên đơn yêu cầu bà B, ông Đ phải trả tiền lãi tính từ ngày bà B, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 228.000.000 đồng là ngày 20/12/2018. Đối với số tiền 132.015.000 đồng (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng) yêu cầu bà B, ông Đ phải trả tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 28/2/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà B và ông Đ trả tổng số tiền 380.520.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu, năm trăm hai mươi triệu đồng), trong đó 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay và số tiền 132.015.000 đồng (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng) tiền nợ mua cám. Đối với yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lãi theo quy định pháp luật với lãi suất 10%/năm từ ngày khởi kiện 28/2/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm trên tổng số tiền nợ 380.520.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu, năm trăm hai mươi triệu đồng)

*Tại bản biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà B thừa nhận ngày 10/7/2017, vợ chồng bà B có ra nhà bà L hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ cho ông Lương Xuân T số tiền 350.000.000 đồng, bà B đưa cho bà L 150.000.000 đồng để cộng với số tiền 200.000.000 đồng, bà B vay để trả nợ tiền mua xe cho ông T. Ngày hôm sau bà B và ông Đ ra nhà bà L ký giấy vay tiền, bà B dặn bà L phải yêu cầu ông T viết rõ vào giấy vay tiền của bà B là ông T đã nhận đủ tiền 200.000.000 đồng vào giấy vay tiền của bà B với bà L. Nhưng sau đó, bà L chỉ đưa cho ông T số tiền 150.000.000 đồng mà bà B gửi từ trước mà không đưa cho ông T số tiền 200.000.000 đồng bà B đã vay nên trước yêu cầu của bà L thì bà B không đồng ý. Đến ngày 18/7/2018, bà L và ông T ép bà B phải viết lại hai giấy nhận nợ và khởi kiện bà B. Bà B thống nhất có mua cám, gạo thiếu của bà L từ trước, sau khi chốt nợ ngày 10/7/2017 tôi còn nợ lại 11.600.000 đồng và sau đó bà B mua thiếu tiếp nhưng chỉ nợ lại bà L, ông T số tiền 132.015.000đ (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng)

Do đó, trước yêu cầu của bà L, ông T bà B chỉ đồng ý trả số tiền 132.015.000đ (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng)

*Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:*

Ông Đ thống nhất có cùng vợ là bà B đến nhà bà L ký giấy vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/7/2019 và ký vào giấy vay tiền nợ lại số tiền 228.000.000 đồng ngày 17/7/2018, nhưng ông Đ không có nhận tiền vay của bà L, sau đó bà L cũng không trả nợ giùm cho bà B nên tôi không đồng ý trả số tiền này cho bà L, ông T. Đối với số tiền nợ mua cám, gạo thì do bà B mua có sổ sách nên ông Đ đồng ý theo ý kiến trình bày của bà B là trả 132.015.000 đồng (Một trăm ba hai triệu không trăm mười lăm đồng) cho phía nguyên đơn bà L, ông T

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Xuân T trình bày:*

Trong quá trình làm ăn bà Nguyễn Thị B có nợ ông T một số tiền. Ngày nào thì ông T không nhớ chính xác, bà B có điện thoại cho ông T kêu đến bà L để lấy tiền 150.000.000 đồng, sau đó bà Võ Thị L có điện thoại kêu ông T ra lấy tiền 150.000.000 đồng thì ông T ra lấy. Sau đó, ông T trừ đi số nợ 150.000.000 đồng cho bà B. Ngoài ra, ông T không biết gì khác. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L, ông Trần Kim T, tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị L, ông Trần Kim T tổng số tiền nợ là 379.215.798đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng) trong đó: Số tiền nợ vay gốc 228.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu triệu đồng) và tiền lãi suất 12.159.900đ (mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng. Số tiền nợ mua cám 132.015.000đ (một trăm ba mươi hai triệu

không trăm mười lăm nghìn) và tiền lãi suất 7.040.799đ (bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ phải trả cho bà Võ Thị L, ông Trần Kim T số tiền nợ vay 228.000.000 đồng và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.159.000 đồng.

Ngày 25/9/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT/VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T do nguyên đơn rút yêu cầu.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên án sơ thẩm về việc giải quyết hợp đồng vay nợ giữa bà Võ Thị L, ông Trần Kim T và bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ.

+ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T do nguyên đơn rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Phần quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L, ông Trần Kim T tiền nợ

mua cám 132.015.000 đồng và tiền lãi phát sinh 7.040.799 đồng, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 nguyên đơn bà L, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B, ông Đ trả cho bà L, ông T số tiền 608.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật trong đó gồm: số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 10/7/2017; số tiền 228.000.000 đồng vay ngày 17/7/2018; số tiền nợ mua cám là 180.000.000 đồng và cho rằng đây là các giao dịch độc lập với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L xác định số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 10/7/2017 đã được các bên thống nhất chốt nợ gốc và lãi đến ngày 17/7/2018 là 228.000.000 đồng. Bà L chỉ yêu cầu bà B, ông Đ phải trả số tiền 228.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 17/7/2018 mà không yêu cầu xem xét khoản vay 200.000.000 đồng ngày 10/7/2017. Như vậy, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu của mình so với đơn khởi kiện, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử đối với phần này là có thiếu sót nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn bà B cho rằng: Ngày 10/7/2017 bà B có thỏa thuận vay của vợ chồng bà L, ông T số tiền 200.000.000 đồng để trả tiền mua xe cho ông Lương Xuân T, số tiền trên bà B không nhận tiền mặt mà để bà L giao tiền cho ông T thay bà B nhưng sau khi viết giấy vay tiền thì bà L không giao số tiền 200.000.000 đồng cho ông T như đã thỏa thuận nên bà B kháng cáo không đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà L, ông T. Xét yêu cầu kháng cáo của bà B thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận ngày 10/7/2017 bà B có viết giấy vay của bà L, ông T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, giấy vay tiền có chữ ký của bà B, ông Đ. Phía nguyên đơn bà L cho rằng sau khi viết giấy vay tiền thì bà L đã giao cho ông T 150.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng bà B đã nhận tiền mặt.

Bà B không đồng ý lời trình bày của nguyên đơn, tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất người có quyền lời và nghĩa vụ liên quan ông T thừa nhận là có nhận của bà L 150.000.000 đồng là tiền bà B trả nợ, ngoài ra ông T không nhận số tiền nào khác cũng như không biết gì về việc vay tiền giữa bà B và bà L; người làm chứng ông Nguyễn Hòa K cũng trình bày là ngày 14/7/2017 bà B có vay của ông K 150.000.000 đồng, ông K đã giao tiền trực tiếp cho bà B, sau khi lấy tiền xong bà B cầm tiền đi đâu, làm gì thì ông K không biết. Như vậy, bà B không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 150.000.000 đồng bà L giao cho ông T là tiền bà B vay của ông K, trong khi đó việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên xác lập từ ngày 10/7/2017, bà B là người viết giấy vay tiền, nội dung thể hiện rõ số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ...và

có đầy đủ chữ ký của bà và ông Đ. Hơn nữa, tại biên bản đối chất ngày 09/4/2019 (bút lục 48, 49) bà B thừa nhận bà đã biết ông T chỉ nhận của bà L 150.000.000 đồng để trừ vào khoản tiền bà B nợ ông T nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 10/7/2017 đến ngày 17/7/2018 bà B không có ý kiến gì với bà L, sau đó vẫn đồng ý viết lại giấy vay tiền ngày 17/7/2018 trong đó tính cả tiền nợ gốc vay 200.000.000 đồng và lãi thành 228.000.000 đồng. Việc viết lại giấy vay tiền đề ngày 17/7/2018 cũng thể hiện đầy đủ số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ và có đầy đủ chữ ký của bà và ông Đ là thể hiện rõ việc bà B, ông Đ vay tiền của bà L. Bà B, ông Đ cho rằng sau khi viết giấy vay tiền ngày 10/7/2017, bà L là không giao số tiền cho ông T như thỏa thuận và bị ép buộc viết các giấy vay tiền là không có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà B, ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bà L, ông T là có căn cứ.

Tiền lãi các bên tính từ ngày 10/7/2017 đến ngày 17/7/2018 là 28.000.000 đồng đối với số tiền vay 200.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu buộc bà B, ông Đ trả số tiền 228.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm thành tiền là 12.159.900 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần này.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 275, 280, 288, 357, 400, 401, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, 469, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L, ông Trần Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị L, ông Trần Kim T số tiền nợ vay 228.000.000đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 12.159.900 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L, ông Trần Kim T đối với số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 10/7/2017.

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Đ phải chịu 18.960.789 đồng (mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Hoàn trả bà Võ Thị L, ông Trần Kim T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.160.000 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005265 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001574 ngày 19/9/2019 tại Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Viết Hòa**